TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trung.

2. Ông Sử Văn Trai Em.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Dương Hữu T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp QT, xã QS, huyện CT, tỉnh Bến Tre (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Dương Hữu T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng L tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QS, huyện CT, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/2018. Sau khi thành hôn, anh về sống cùng với gia đình của chị L tại ấp TQ, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau đó, anh chị đi làm công nhân nên thuê nhà trọ sống tại khu công nghiệp Giao Long (thuộc huyện CT, tỉnh Bến Tre). Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên anh và chị L sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, anh chị không gặp nhau nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung tên Dương Gia B, sinh ngày: 07/02/2019, hiện tại con đang sống với chị L. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, chị L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của chị về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Anh T và chị L có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày: 07/02/2019. Chị L được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Gia B, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Dương Hữu T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị Hồng L có nơi cư trú tại ấp TQ, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh

Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn anh Dương Hữu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với anh Dương Hữu T, chị Nguyễn Thị Hồng L theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Hữu T và chị Nguyễn Thị Hồng L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QS, huyện CT, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, anh T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị L không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2020 đến nay, anh T và chị L sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, chị L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa chị và anh T, cũng như chị L không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị L có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày: 07/02/2019. Anh T yêu cầu chị L nuôi dưỡng cháu B sau khi ly hôn.

Xét thấy, hiện cháu B tuổi còn nhỏ và sống cùng với chị L từ khi anh T và chị L sống ly thân cho đến nay. Chị L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của chị L về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con chung là cháu Dương Gia B cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của chị L về yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T trình bày anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị L vắng

mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị L về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Hữu T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng L.

2. Về con chung: Anh Dương Hữu T và chị Nguyễn Thị Hồng L có một con chung là Dương Gia B, sinh ngày: 07/02/2019.

Chị Nguyễn Thị Hồng L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Gia B. Chị Nguyễn Thị Hồng L không yêu cầu anh Dương Hữu T cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh Dương Hữu T, chị Nguyễn Thị Hồng L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Dương Hữu T, chị Nguyễn Thị Hồng L có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Dương Hữu T và chị Nguyễn Thị Hồng L không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Dương Hữu T và chị Nguyễn Thị Hồng L không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Dương Hữu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001238 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Anh Dương Hữu T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã QS;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.